



MARKET LENS

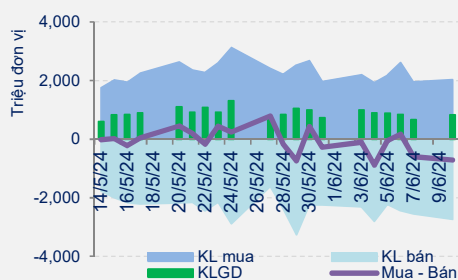
Phiên giao dịch ngày:

10/6/2024

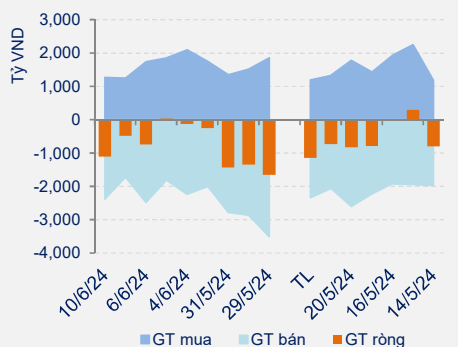
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,290.67	245.58
% Thay đổi	↑ 0.24%	↑ 0.24%
KLGD (CP)	821,949,606	89,197,123
GTGD (tỷ đồng)	21,590.09	1,857.13
Tổng cung (CP)	2,742,091,045	147,371,600
Tổng cầu (CP)	2,025,876,984	119,628,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	73,489,102	6,087,137
KL mua (CP)	35,370,194	2,118,063
GT mua (tỷ đồng)	1,273.10	75.75
GT bán (tỷ đồng)	2,377.26	238.24
GT ròng (tỷ đồng)	(1,104.16)	(162.49)

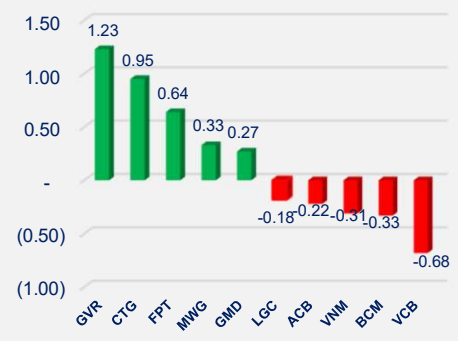
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau tuần tăng điểm trước, VN-Index phiên hôm nay mở cửa với sắc xanh +5,37 điểm và sau đó giao dịch khá tích cực với thanh khoản phiên sáng tăng +25,3%. Phiên chiều áp lực bán gia tăng từ 14h00, tương đồng với diễn biến 04 phiên giao dịch trước, khiến cho VN-INDEX vẫn chưa thể bứt phá được mốc 1.300. Đóng cửa VN-Index tăng 3,09 điểm (+0,24%), chốt tại 1.290,67 điểm, HNX đóng phiên tại 245,58 điểm (+0,59 điểm, tương ứng +0,24%). Về độ rộng thị trường, toàn sàn HOSE vận động với 187 mã tăng giá, 42 mã tham chiếu và 144 mã giảm giá. HNX giao dịch với 106 mã tăng giá, 69 mã tham chiếu và 66 mã giảm giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn cải thiện so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng giao dịch (không bao gồm thỏa thuận) tăng 28,8% tại HOSE và +24,5% tại HNX, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với trung bình 1 tuần qua (lần lượt thấp hơn -17,4% và -7,7%). Khối ngoại phiên hôm nay duy trì bán ròng -1.104,89 tỷ đồng tại HOSE tập trung tại các mã FPT (-172,038 tỷ), HPG (-118,242 tỷ), VNM (-100,164 tỷ), VCB (-92,602 tỷ) và SSI (-83,688 tỷ), ngược lại ở chiều mua ròng là FRT (+44,816 tỷ), STB (+38,219 tỷ), GVR (+30,811 tỷ). Tại sàn HNX, khối ngoại nay tiếp tục bán ròng với -162,5 tỷ đồng, điển hình nhất là mã LHG (-127,077 tỷ), bên cạnh đó là các mã SHS (-23,5 tỷ), PVS (-14 tỷ)...

Thị trường đón nhận thông tin giá cước vận tải biển thế giới tăng cao, điển hình là chỉ số Container Thế giới của Drewry (WCI) đã tăng 12% lên 4.716 USD/container 40 feet (FEU) trong tuần từ ngày 30/5 tới ngày 6/6 và tăng 181% so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời cảng Singapore - cảng container lớn thứ hai thế giới đang rơi vào tình trạng tắc nghẽn đột biến do tác động dây chuyền từ cuộc khủng hoảng hàng hải ở Biển Đỏ buộc các hãng tàu container phải thay đổi lịch trình. Nhóm cổ phiếu cảng biển, logistics trước những thông tin này đồng loạt tăng mạnh trong đó nhiều mã tăng hết biên độ với thanh khoản đột biến như HAH (+6,89%), VOS (+6,96%), DXP (+9,35%), SGP (+14,67%) bên cạnh VSC (+4,41%), GMD (+4,2%), PVT (+5,56%)...

Bên cạnh đó, sắc xanh phiên hôm nay cũng có sự đóng góp từ nhóm cao su khi giá giao dịch phiên hôm nay tại Nhật tiếp tục tăng lên 354 Yên/kg, gần mức đỉnh trong vòng 1 năm qua đó gia tăng triển vọng tích cực của các doanh nghiệp trong ngành, cổ phiếu tích cực nhất là DPR tăng kịch trần ấn tượng (6,98%) bên cạnh GVR (3,43%), PHR (+2,89%).

Nhóm cổ phiếu Bán Lẻ, Công Nghệ Thông Tin cũng tăng điểm tốt trong phiên hôm nay, cụ thể như MWG (+1,45%), FRT (+1,47%), FPT (+1,41%) và CMG (+1,61%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng chứng kiến hầu hết các mã tăng giá trong phiên hôm nay như VDS (+7%), AGR (+2,29%), BVS (+1,5%)...

Nhóm cổ phiếu Ngân Hàng hôm nay có sự phân hóa với CTG dẫn dắt tăng điểm (+2,13%), TPB (+1,38%), STB (+1,14%) trong khi EIB (-1,26%), ACB (-0,81%)... Diễn biến tương tự cũng diễn ra với các ngành xây dựng với TV2 (+6,63%) hay NTL (+3,65%), HDG (+1,76%) tại nhóm bất động sản trong khi các mã khác trong ngành giảm điểm.

Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu Bảo Hiểm giảm điểm trong phiên ngày hôm nay với MIG (-2,08%), PGI (-3,41%), BMI (-0,75%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng +2,9 điểm (+0,22%), đóng cửa tại 1.310,9 điểm, chênh lệch -0,2 điểm so với VN30 cho thấy nhà đầu tư vẫn đang bám theo sát thị trường cơ sở. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -24,5% so với phiên gần nhất, thấp hơn mức trung bình 20 phiên, củng cố trạng thái tâm lý do dự ở giai đoạn này. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2406 vẫn là vận động trong biên độ 1.280 điểm - 1.320 điểm. Các kỳ hạn xa hơn là VN30F2407 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -0,1 điểm đến +1,5 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là +53.062 hợp đồng, ít hơn so với phiên gần nhất là -5,76% cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Sau tuần giao dịch tăng điểm vượt lên vùng giá 1.285 điểm, tương ứng kháng cự mạnh trong tháng 05/2024, VN-INDEX có phiên giao dịch đầu tuần duy trì tăng điểm hướng đến vùng kháng cự mạnh quanh 1.295 điểm, tương ứng giá cao nhất tháng 03/2024 và tháng 08/2022. Áp lực rung lắc vẫn gia tăng ở vùng kháng cự này tương tự những phiên cuối tuần trước. Kết phiên VN-INDEX tăng 3,09 điểm (+0,24%) lên mức 1.290,67 điểm.

Trong tuần này, sự chú ý của nhà đầu tư sẽ tập trung vào cuộc họp chính sách của FED diễn ra vào ngày 13/06 trong đó những nhận định của FED về xu hướng lãi suất trong giai đoạn tới và quan điểm về lạm phát mục tiêu +2% sẽ được quan tâm nhiều. Lãi suất điều hành dự báo sẽ không thay đổi trong lần họp này và vẫn duy trì ở 5,25% - 5,5%.

VN-INDEX trong ngắn hạn đang hướng đến vùng giá 1.300 điểm. Đây là vùng kháng cự mạnh của chỉ số hiện tại. Áp lực bán vẫn duy trì ở mức cao và chịu ảnh hưởng lớn của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng khi VN30 cũng đang gặp kháng cự tại vùng giá 1.317 điểm - 1.325 điểm (giá cao nhất tháng 04/2024). Đây là vùng kháng cự rất mạnh, để có thể vượt qua cần thêm hỗ trợ của các yếu tố vĩ mô cũng như kỳ vọng kết quả kinh doanh tích cực của nhóm cổ phiếu lớn, ngân hàng. Trong kịch bản không thể bứt phá lên trên vùng kháng cự, xu hướng ngắn hạn của chỉ số sẽ là tiếp tục dao động trong vùng 1.250 điểm – 1.300 điểm.

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX duy trì tích lũy trong kênh rộng 1.180 -1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 -1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 -1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

VN-Index vẫn đang gặp khó tại ngưỡng kháng cự mạnh tuy nhiên thị trường đang có xu hướng xoay vòng, gia tăng vào các mã/nhóm mã chưa tăng nhiều, với kỳ vọng tiếp tục phục hồi lên lại vùng giá cao nhất tháng 03/2024 tương tự VN-INDEX, phù hợp các vị thế ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân như khuyến nghị nên tiếp tục nắm giữ danh mục và hạn chế mua đuổi ở vùng giá cao. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường, vì đây không phải là vùng giá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/6/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	38.75	33-34	40-42	32	16.8	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.62	19-20	26-28	18	9.1	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	21.15	18-18.6	25-26	17	12.6	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	35.80	32	38-39	34	11.9%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	38.80	32.2	40-41	36.5	20.5%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	18.80	14.2	18-18.5	17.5	32.4%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	45.95	36.8	46-47	43	24.9%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.70	28.75	35-36	31	10.3%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	144.00	114.2	145-150	137	26.1%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ
Số lượng triệu phú Mỹ tăng mạnh nhờ sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo

Báo cáo cho thấy số lượng triệu phú của Mỹ đã tăng 7,3% trong năm 2023 lên 7,5 triệu người; tổng tài sản của họ tăng 7% so với năm 2022, lên 26.100 tỷ USD.

Theo báo cáo mới do Viện nghiên cứu dịch vụ tài chính Capgemini vừa công bố, Mỹ đã vượt xa phần còn lại của thế giới trong việc tạo ra các triệu phú trong năm ngoài khi có thêm 600.000 triệu phú mới cùng khối tài sản kỷ lục.

Báo cáo cho thấy số lượng triệu phú của Mỹ đã tăng 7,3% trong năm 2023 lên 7,5 triệu người. Tổng tài sản của họ tăng 7% so với năm 2022, lên 26.100 tỷ USD

Chính phủ thay đổi thời gian công bố số liệu CPI, GDP, GRDP

Tại Nghị định số 62/2024/NĐ-CP, Chính phủ đã thay đổi lịch phổ biến một số thông tin thống kê quan trọng của cơ quan thống kê Trung ương.

Số liệu chính thức chỉ số giá tiêu dùng (CPI) phổ biến vào ngày 06 của tháng kế tiếp sau tháng báo cáo (Quy định hiện hành là ngày 29 hàng tháng. Riêng tháng Hai là ngày cuối tháng).

Số liệu ước tính tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ phổ biến vào ngày 06 của tháng kế tiếp sau quý báo cáo. Số liệu sơ bộ tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ phổ biến vào ngày 06 của tháng đầu tiên của quý thứ hai sau quý báo cáo.

Số liệu ước tính tỷ lệ thất nghiệp phổ biến vào ngày 06 của tháng kế tiếp sau quý báo cáo. Số liệu sơ bộ tỷ lệ thất nghiệp phổ biến vào ngày 06 của tháng đầu tiên của quý thứ hai sau quý báo cáo.

Báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý I, quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm phổ biến vào ngày 06 của tháng kế tiếp sau kỳ báo cáo.

Thêm một quốc gia áp thuế 40% với xe điện từ Trung Quốc

Thổ Nhĩ Kỳ sẽ áp thuế 40% đối với xe nhập khẩu từ Trung Quốc nhằm ngăn chặn sự suy giảm của cán cân thanh toán và bảo vệ các hãng sản xuất ô tô trong nước, theo thông báo của Bộ Thương mại trong ngày 08/06.

Theo quyết định của Tổng thống được công bố trên Công báo của quốc gia, thuế bổ sung của Thổ Nhĩ Kỳ sẽ được đặt ở mức tối thiểu 7,000 USD mỗi xe, có hiệu lực từ ngày 07/07.

Gia Lai sẽ có 2 cao tốc, 1 đường sắt, đặt mục tiêu trở thành trung tâm trung chuyển Bắc Tây Nguyên

Ngày 30/12/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, tỉnh này xác định mục tiêu đến năm 2030 sẽ là trung tâm khu vực Bắc Tây Nguyên và vùng động lực trong tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, với tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%.

Trong giai đoạn này, Gia Lai được quy hoạch sẽ có hai tuyến cao tốc đi qua, gồm: Cao tốc Pleiku - Quy Nhơn dài 104 km; cao tốc Bắc Nam phía Tây, đoạn qua Gia Lai dài 97 km. Ngoài ra, để kết nối các tỉnh Tây Nguyên, Gia Lai sẽ xây dựng tuyến đường sắt dài 550 km, khổ đường 1.435 mm, đường đơn, từ Đà Nẵng đi các tỉnh Tây Nguyên tới tỉnh Bình Phước.

TIN DOANH NGHIỆP

Techcombank về đích sớm trong mục tiêu tăng vốn điều lệ năm 2024

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank, HOSE: TCB) chính thức tăng vốn điều lệ từ mức 35,225 tỷ đồng lên 70,450 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đây là một nội dung quan trọng năm 2024, trong kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên TCB vừa thông qua hồi tháng 4 vừa qua.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vừa gửi văn bản chấp thuận (5/6/2024) cho TCB tăng vốn điều lệ từ mức 35,225 tỷ đồng lên 70,450 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ phát hành dự kiến là 100%. Ví dụ, cổ đông sở hữu 100 cp sẽ được hưởng quyền sẽ được nhận thêm 100 cp mới

MSB ghi nhận hai khoản thu bất thường hơn 800 tỷ trong quý II

Ngân hàng dự kiến sẽ thu hồi được 1.700 tỷ đồng từ các khoản nợ xấu trong năm 2024, riêng quý II đã ghi nhận hơn 800 tỷ đồng thu nhập bất thường từ hoạt động này.

Cụ thể trong quý II, MSB đã thu về hai khoản thu bất thường có giá trị hơn 800 tỷ đồng từ nợ đã được xử lý. Ngân hàng dự kiến năm nay tổng khoản thu nhập bất thường từ việc thu hồi các khoản nợ đã xử lý khoảng 1.700 tỷ đồng.

Cổ đông Gilimex phủ quyết việc hủy chia cổ tức 2022, đòi trả góp cổ phiếu hơn 45%

Theo tờ trình ban đầu, Hội đồng quản trị đề xuất việc hủy phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (bao gồm việc chia cổ tức 15%) và sẽ thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2023 với tỷ lệ 5-10%. Lý do công ty cần cân đối nguồn tài chính.

Cụ thể, công ty dự kiến phát hành tối đa 31,65 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 45,2467% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu nhận được thêm hơn 45 cổ phiếu mới). Nguồn vốn được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2023 trên BCTC hợp nhất được kiểm toán (hơn 1.123 tỷ đồng).

Nếu thành công, vốn điều lệ của Gilimex sẽ tăng từ 700 tỷ lên 1.016 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý II-III/2024 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Tài chính Hoàng Huy (TCH): Lên kế hoạch mở bán dự án 65 ha tại Hải Phòng

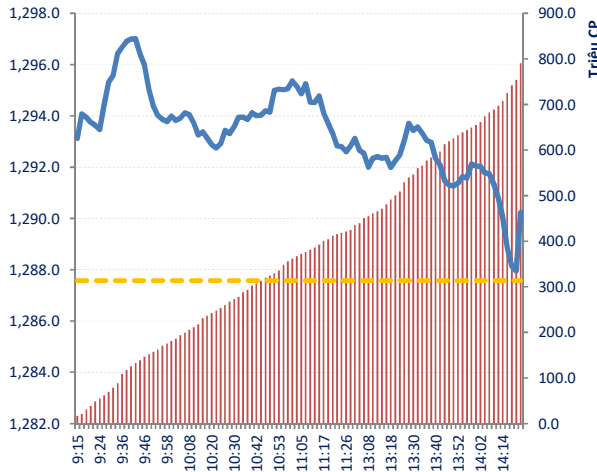
Tài chính Hoàng Huy lập kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2024 (1/4/2024 - 31/3/2025) với mục tiêu doanh thu thuần đạt 2.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 800 tỷ đồng, đều giảm 35% so với mức thực hiện của năm tài chính 2023.

Hiện Tài chính Hoàng Huy đang lên kế hoạch mở bán dự án HH New City. Dự án này có quy mô lên tới 65 ha tại huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, bao gồm các sản phẩm đất nền biệt thự, liền kề, shophouse, chung cư thương mại và căn hộ nhà ở xã hội. Hiện khu liền kề, nhà ở xã hội tại dự án này đã hoàn thành việc xây thô.

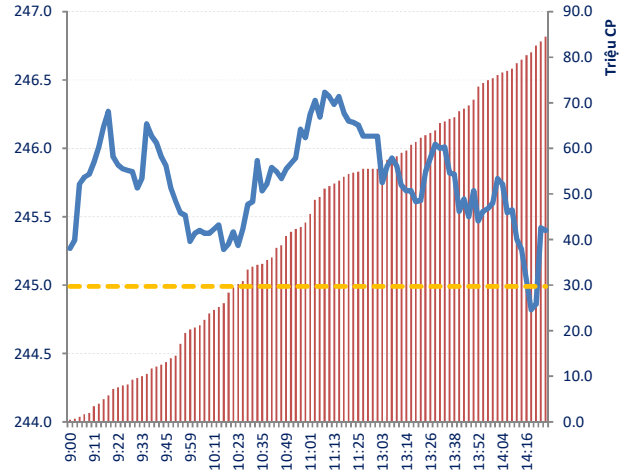


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

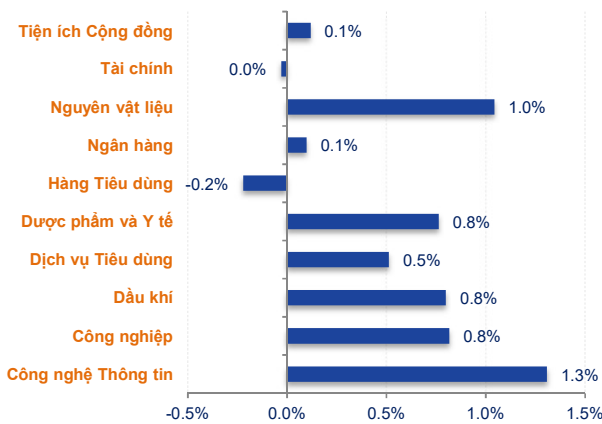
KLGD và VN-Index trong phiên



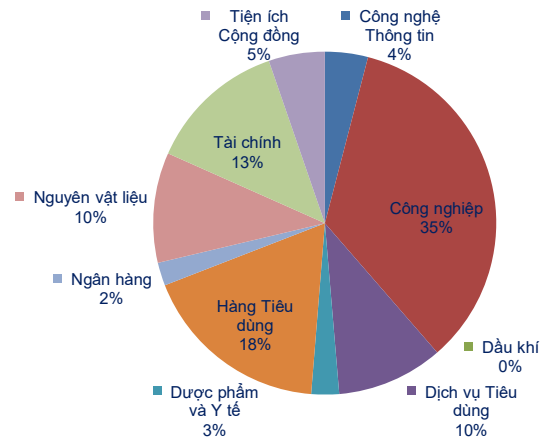
KLGD và HNX-Index trong phiên



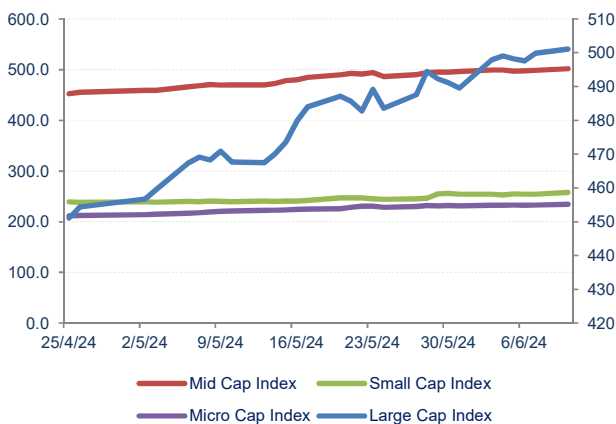
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



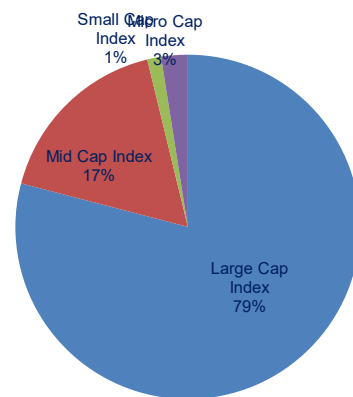
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,259,512	HPG	4,042,723
2	GVR	853,182	POW	3,608,219
3	MBB	684,079	AAA	3,391,600
4	IDI	517,900	VND	2,622,972
5	HAH	492,528	SSI	2,356,807

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TIG	241,700	LHC	2,310,500
2	TNG	171,500	SHS	1,256,554
3	MBS	114,912	PVS	315,596
4	TVC	51,100	HUT	308,184
5	BVS	36,200	CEO	259,580

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.85	11.75	↓ -0.84%	37,492,500
LPB	26.10	26.25	↑ 0.57%	36,063,054
VSC	22.20	23.70	↑ 6.76%	24,323,800
HPG	29.30	29.30	⇒ 0.00%	20,655,107
POW	13.55	13.65	↑ 0.74%	17,471,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.60	18.70	↑ 0.54%	15,256,292
DL1	5.10	5.10	⇒ 0.00%	7,056,838
TNG	26.40	27.20	↑ 3.03%	6,660,099
TIG	14.50	14.90	↑ 2.76%	5,338,857
PVS	43.90	44.10	↑ 0.46%	4,407,600

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	33.05	37.80	4.75	↑ 14.37%
VTO	12.25	14.00	1.75	↑ 14.29%
TNI	2.55	2.91	0.36	↑ 14.12%
VRC	9.82	11.20	1.38	↑ 14.05%
QNP	32.90	36.55	3.65	↑ 11.09%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ATS	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
VTC	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%
KHS	10.40	11.40	1.00	↑ 9.62%
BNA	12.50	13.70	1.20	↑ 9.60%
CAG	9.50	10.40	0.90	↑ 9.47%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTE	9.86	9.17	-0.69	↓ -7.00%
L10	21.00	19.55	-1.45	↓ -6.90%
LGC	59.40	55.40	-4.00	↓ -6.73%
SCS	94.00	87.90	-6.10	↓ -6.49%
APH	10.90	10.30	-0.60	↓ -5.50%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	39.90	36.00	-3.90	↓ -9.77%
QTC	14.50	13.10	-1.40	↓ -9.66%
HKT	7.80	7.10	-0.70	↓ -8.97%
CTP	6.80	6.20	-0.60	↓ -8.82%
VHL	12.00	11.00	-1.00	↓ -8.33%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	37,492,500	15.6%	2,150	5.5	0.8
LPB	36,063,054	21.6%	2,914	9.0	1.8
VSC	24,323,800	4.4%	931	25.5	1.4
HPG	20,655,107	9.2%	1,455	20.1	1.8
POW	17,471,400	2.4%	350	39.0	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	15,256,292	5.7%	688	27.2	1.4
DL1	7,056,838	3.3%	434	11.7	0.4
TNG	6,660,099	12.5%	1,981	13.7	1.7
TIG	5,338,857	10.3%	1,386	10.8	1.1
PVS	4,407,600	7.1%	1,992	22.1	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLW	↑ 14.4%	19.9%	3,808	9.9	2.0
VTO	↑ 14.3%	8.0%	1,124	12.5	1.0
TNI	↑ 14.1%	3.3%	327	8.9	0.3
VRC	↑ 14.1%	0.1%	15	762.8	0.4
QNP	↑ 11.1%	14.9%	3,087	11.8	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ATS	↑ 10.0%	0.5%	57	249.0	1.2
VTC	↑ 9.9%	0.3%	41	296.2	0.8
KHS	↑ 9.6%	-3.6%	(594)	-	0.6
BNA	↑ 9.6%	10.1%	1,898	7.2	0.7
CAG	↑ 9.5%	-0.3%	(30)	-	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,259,512	17.7%	4,206	7.4	1.2
GVR	853,182	4.6%	628	57.7	2.6
MBB	684,079	21.5%	3,861	5.9	1.2
IDI	517,900	2.1%	314	40.3	0.8
HAH	492,528	10.3%	2,978	15.9	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	241,700	10.3%	1,386	10.8	1.1
TNG	171,500	12.5%	1,981	13.7	1.7
MBS	114,912	13.0%	1,475	22.8	2.8
TVC	51,100	17.1%	2,612	3.9	0.6
BVS	36,200	9.6%	3,090	15.4	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	491,840	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	271,626	18.1%	3,841	12.4	2.1
HPG	187,410	9.2%	1,455	20.1	1.8
GAS	184,428	16.4%	4,688	17.1	2.7
FPT	182,876	22.8%	5,338	27.0	5.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,078	7.1%	1,992	22.1	1.5
IDC	20,625	31.7%	5,880	10.6	3.2
HUT	16,690	0.7%	97	192.3	1.5
SHS	15,206	5.7%	688	27.2	1.4
MBS	14,705	13.0%	1,475	22.8	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TCD	2.66	1.7%	213	33.4	0.6
EVF	2.64	5.8%	708	21.9	1.3
PSH	2.59	-9.6%	(1,295)	-	0.5
CIG	2.49	2.7%	138	36.9	1.0
GEX	2.40	2.5%	625	38.2	0.9

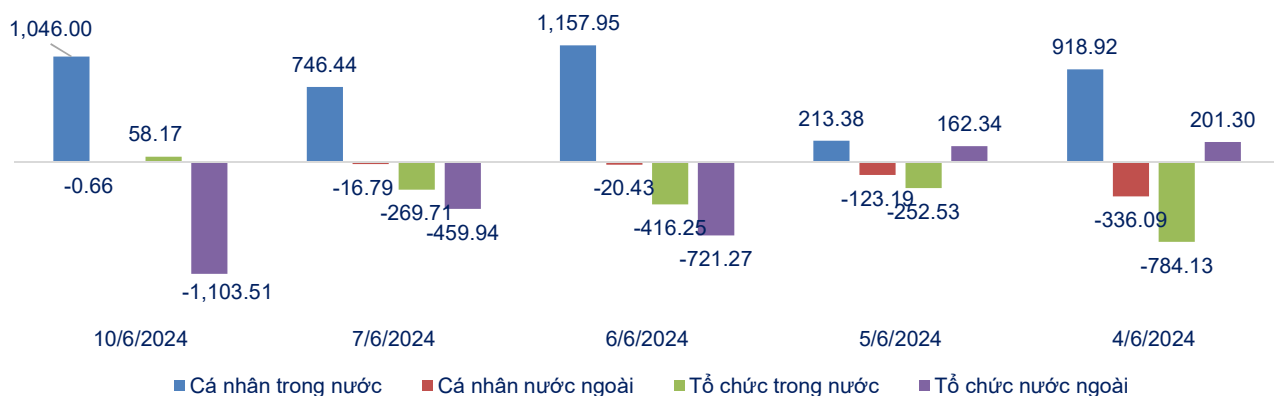
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	3.35	5.0%	584	13.4	0.7
API	2.97	-6.9%	(772)	-	0.8
PHN	2.87	39.6%	8,294	8.4	3.0
HMR	2.84	9.2%	1,214	29.6	2.8
DDG	2.77	-29.5%	(3,011)	-	0.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	205.32	4.4%	717	87.9	3.5
FPT	201.48	22.8%	5,338	27.0	5.8
VCB	116.31	20.0%	5,838	15.1	2.8
HPG	94.24	9.2%	1,455	20.1	1.8
VHM	89.25	12.1%	5,074	7.7	0.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-95.84	8.9%	1,525	11.8	1.0
TCB	-68.13	15.2%	5,606	8.7	1.2
MSN	-60.81	0.8%	214	360.1	2.4
FRT	-40.70	-17.1%	(2,215)	-	13.2
BVH	-33.05	0.4%	119	389.9	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	8.47	4.6%	628	57.7	2.6
SSI	6.33	11.1%	1,702	20.8	2.2
VPB	4.98	8.9%	1,525	11.8	1.0
TCH	4.48	7.0%	1,252	15.8	1.1
VNM	3.85	26.0%	4,410	15.2	3.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SAB	-18.16	16.0%	3,234	20.9	3.3
APH	-4.14	1.4%	346	29.8	0.4
VCI	-2.83	8.2%	1,411	34.5	2.6
PAN	-2.62	5.5%	2,160	11.1	0.6
AAA	-2.39	6.0%	967	12.0	0.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	91.13	8.9%	1,525	11.8	1.0
MSN	82.63	0.8%	214	360.1	2.4
TCB	61.68	15.2%	5,606	8.7	1.2
BVH	34.76	0.4%	119	389.9	1.5
BAF	31.79	7.0%	790	28.5	2.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-223.39	4.4%	717	87.9	3.5
NLG	-36.69	3.0%	1,041	41.1	1.2
BID	-30.49	18.1%	3,841	12.4	2.1
FPT	-29.47	22.8%	5,338	27.0	5.8
VHM	-24.96	12.1%	5,074	7.7	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	44.19	-17.1%	(2,215)	-	13.2
STB	38.45	17.7%	4,206	7.4	1.2
SAB	26.57	16.0%	3,234	20.9	3.3
HAH	23.75	10.3%	2,978	15.9	1.5
GVR	22.34	4.6%	628	57.7	2.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-175.49	22.8%	5,338	27.0	5.8
HPG	-117.29	9.2%	1,455	20.1	1.8
VNM	-103.91	26.0%	4,410	15.2	3.9
VCB	-94.37	20.0%	5,838	15.1	2.8
SSI	-90.01	11.1%	1,702	20.8	2.2

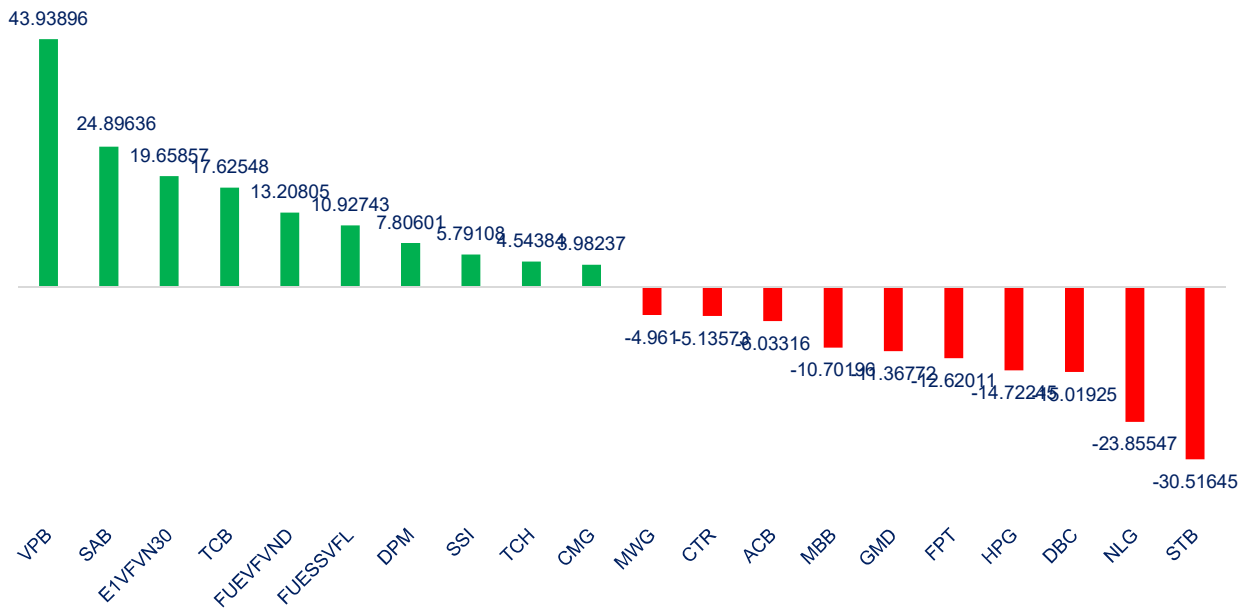


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
